

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VĨNH YÊN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2020/HS-ST
Ngày 30 tháng 6 năm 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH YÊN, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Lý.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Sái Văn Trọng;

Ông Bùi Thanh Bình.

- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Thị PH Thao- Thư ký
Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên tham gia phiên
tòa:** Ông Nguyễn Hải Nam- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 71/2020/HSST ngày 28 tháng 5 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2020/QĐXX ngày 08 tháng 6 năm 2020, đối với các bị cáo:

1. Bùi Ngọc L, sinh ngày: 02/8/1989; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn Y, xã Q, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con bà Hoàng Thị A (bố đẻ không xác định); có vợ là Trần Thị T, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 15/12/2019 đến ngày 21/12/2019, được tại ngoại (có mặt).

2. Đỗ Thị H, sinh ngày: 01/6/1980; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn H, xã K, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi ở: Ngõ X, đường Nguyễn Tất Thành, phường Khai Quang, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị T; có chồng là Nguyễn Thanh H, sinh năm 1971, có 01 con sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 00 ngày 15/12/2019, Bùi Ngọc L, đang ở quán Tiều Nhị, địa chỉ: Ngõ 7, đường Nguyễn Tất Thành, phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc thì có hai người tự khai Nguyễn Văn M, sinh năm:1976 trú tại xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc cùng Phạm Văn D sinh năm: 1982 trú tại xã Tam Hợp, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc đến đặt vấn đề đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức mua số lô, số đề. L đồng ý bán số lô, số đề cho D và M với giá 22.500 đồng/1 điểm lô, nếu thắng sẽ được 80.000 đồng/1 điểm lô và thắng đề thì sẽ được 70 lần của số tiền mua. Sau đó, L bán cho M số lô 59, 95 mỗi số 50 điểm; số đề 79 = 200.000 đồng, số đề 97 = 150.000 đồng, tổng số tiền L thu của M là 2.600.000,đ (Hai triệu sáu trăm nghìn đồng) và L ghi các số lô số đề M mua vào 01 tờ cấp đề. Tiếp đó, L bán cho D số lô 67, 76, 18, 81, 06, 60 mỗi số 20 điểm; tổng số tiền L thu của D là 2.700.000,đ (Hai triệu bảy trăm nghìn đồng) và L ghi các số lô D mua vào tờ cấp đề ghi cho M. L thu tiền của hai người tổng số tiền 5.300.000 đồng (Năm triệu ba trăm nghìn đồng) là tiền đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức bán các số lô, số đề trên cho M và D thì bị tổ công tác Phòng cảnh sát hình sự, Công an tỉnh Vĩnh Phúc phát hiện, bắt quả tang. Tang vật thu giữ gồm: số tiền 5.300.000,đ, 01 tờ giấy kê ô có ghi các số lô đề có chữ ký của Bùi Ngọc L, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SamSung màu đen và 01 bút bi.

Quá trình điều tra, Bùi Ngọc L còn khai nhận ngày 15/12/2019, sau khi nhận ghi số lô đề và thu tiền của M và D xong, L sử dụng tài khoản mạng xã hội Zalo của L để gửi các số lô đề trên cho tài khoản mạng xã hội Zalo mang tên “NmChinh” của anh Nguyễn Minh Chính, sinh năm 1991, trú tại thôn Đá Bụt, xã Quang Yên, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc để chuyển các số lô, đề L vừa bán cho M và D để đánh bạc với anh Chính qua hình thức mua bán số lô đề tiếp. Ngoài ra, ngày 14/12/2019 Bùi Ngọc L còn thực hiện hành vi đánh bạc dưới hình thức mua bán số lô, số đề với Đỗ Thị H cụ thể như sau:

Khoảng 17h ngày 14/12/2019, Đỗ Thị H có gọi L tới cửa hàng tạp hóa của H ở ngõ 7, đường Nguyễn Tất Thành, phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc đối diện quán Tiều Nhị. Khi gặp nhau H hỏi L có tham gia đánh bạc dưới hình thức bán số lô số đề hay không vì có người là PH, sinh năm:1992 (H không biết tên, tuổi địa chỉ cụ thể của PH, chỉ biết PH quê ở tỉnh Thanh Hóa) muốn đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức mua bán số lô, số đề, đồng thời H hỏi L về giá bán số lô số đề. Khi H đặt vấn đề đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức mua bán số lô, số đề thì L đồng ý và nói giá mua số lô, số đề cùng tỷ lệ sát phạt khi bán số lô, số đề cho H cụ thể là số lô là 22.000 đồng (Hai mươi hai nghìn đồng)/1 điểm lô và nếu H trúng lô, tức là số đánh lô trùng với 02 số cuối của các giải thưởng thì L phải trả tiền cho H 80.000đồng (Tám mươi nghìn đồng)/01 điểm. Nếu trúng đề (02 số đánh đề trùng với 02 số cuối của dãy số giải đặc biệt) thì L phải trả tiền cho H gấp 70 lần số tiền H mua số đề, lô xiên 2, lô xiên 3 thì L lấy 75 giá tức là khi mua số đề, lô xiên

2, xiên 3 thì H chỉ phải thanh toán 75% tổng số tiền mua số đề, lô xiên 2, lô xiên 3. Sau khi trao đổi giá mua số lô, số đề H cho L nghe máy điện thoại của một người nam giới tên PH. Sau khi nghe máy L nói với H chỉ bán số lô, số đề và thành toán tiền với H nếu PH không thanh toán tiền thì H phải thanh toán tiền cho L vì L không biết PH là ai, lý lịch như thế nào, H đồng ý. Khoảng 17 giờ 45 phút cùng ngày, H nhận được 03 tin nhắn văn bản gửi từ số điện thoại 0365.646.536 H lưu trong danh bạ là “em PH xd” gửi tới số điện thoại H là 0983.807.511. Sau đó, H sao chép nội dung 03 tin nhắn trên và gửi tới số điện thoại 0355.758.389 của L để mua số lô, số đề cụ thể nội dung 03 tin nhắn như sau: Tin nhắn 1: Lô 06 = 10 điểm, lô 87 = 20 điểm, lô 78 = 20 điểm, đề đầu 7 = 150.000 đồng; Tin nhắn 2: Lô 60 = 10 điểm, đề 78 = 20.000 đồng, đề 55 = 30.000 đồng, đề 03 = 20.000 đồng, lô 10 = 30 điểm, lô 87 = 20 điểm, lô xiên 2 10,87 = 200.000 đồng. Tin nhắn 3: Lô 56 = 20 điểm, lô 47 = 20 điểm, lô 74 = 20 điểm, lô 65 = 20 điểm, lô xiên 3 47,74,56 = 200.000 đồng, lô xiên 3 47,74,65 = 200.000 đồng. Sau khi nhận được các tin nhắn trên, L đều nhắn tin lại là “OK” tức xác nhận các số lô số đề H mua. Tổng số tiền H đánh bạc với L dưới hình thức mua số lô số đề của L là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Sau khi có kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc mở thưởng ngày 14/12/2019, L xác định và thông báo cho H biết các số lô số đề H mua trúng 30 điểm lô là 06 = 10 điểm, 78 = 20 điểm, tổng số tiền thắng là 2.400.000 đồng. Do vậy, số tiền H còn thiếu phải thanh toán cho L là 2.600.000 đồng. Sau đó, H liên lạc điện thoại cho PH thông báo phải thanh toán cho L số tiền 2.600.000 đồng. Khoảng 20h cùng ngày, L nhận được điện thoại của một người nam giới (không xác định được tên tuổi địa chỉ) rồi nói PH gửi tiền cho L không nói gửi với mục đích gì. Sau đó, L nhận được số tiền 2.600.000 đồng (Hai triệu sáu trăm nghìn đồng) từ một nam giới là phụ xe khách (L không nhớ biển kiểm soát, đặc điểm xe). Như vậy, tổng số tiền L đánh bạc với H dưới hình thức mua bán số lô, số đề là 7.400.000 đồng (Bảy triệu bốn trăm nghìn đồng).

Hình thức đánh bạc của các bị cáo ngày 14/12/2019 và 15/12/2019 là hình thức mua bán số lô số đề trước khi có xổ số kiến thiết miền Bắc mở thưởng hàng ngày. Căn cứ vào kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc mở ngày đánh bạc để xác định thắng thua. Với số đề việc xác định thắng thua căn cứ vào 02 số cuối của giải đặc biệt, nếu số đề trùng với 02 số cuối của dãy số giải đặc biệt (tức là trúng đề) thì L phải trả tiền cho người mua số đề gấp 70 lần số tiền người mua số đề đã mua. Với số lô việc xác định thắng thua căn cứ vào 02 số cuối của 27 giải nếu số lô trùng với 02 số cuối của tất cả các giải thưởng (tức là trúng lô) thì L phải trả tiền cho người trúng 80.000 đồng (Tám mươi nghìn đồng)/01 điểm. Với số lô xiên việc xác định thắng thua căn cứ vào 02 số cuối cùng 27 giải, nếu 02 trong số lô xiên trùng với 02 số cuối của tất cả các giải thưởng (tức trúng lô xiên) thì L phải trả tiền cho người trúng theo tỷ lệ 1.000 đồng (Một nghìn đồng) thì người trúng được hưởng 20.000 đồng (Hai mươi nghìn đồng). Với số lô xiên 3 việc xác định thắng thua căn cứ vào 02 số cuối của 27 giải, nếu 03 số

lô xiên 3 trùng với 03 số cuối của tất cả các giải thưởng (tức trúng lô xiên 3) thì L phải trả tiền cho người trúng theo tỷ lệ 1.000 đồng (Một nghìn đồng) được hưởng 40.000 đồng (Bốn mươi nghìn đồng). Nếu không trúng số lô, số đề, lô xiên 2, lô xiên 3 thì L được số tiền người chơi mua.

Cáo trạng số 80/CT-VKSVY ngày 20/5/2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên truy tố các bị cáo Bùi Ngọc L và Đỗ Thị H về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung, chứng cứ đã thu thập nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa L tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố. Căn cứ tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Bùi Ngọc L và Đỗ Thị H phạm tội “Đánh bạc”.

Đề nghị áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật Hình sự 2015, xử phạt bị cáo Bùi Ngọc L từ 09 đến 12 tháng tù. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Đỗ Thị H từ 06 tháng đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng.

Áp dụng khoản 5 Điều 321 của Bộ luật hình sự, phạt các bị cáo từ 10 triệu đến 15 triệu đồng để sung quỹ nhà nước.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu xung quỹ nhà nước số tiền 5.300.000 đồng sử dụng vào việc phạm tội. Tịch thu bán sung quỹ nhà nước 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu SamSung màu đen thu giữ của Bùi Ngọc L, 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Oppo thu giữ của Nguyễn Thị H là pH tiện dùng vào việc phạm tội. Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc bút bi màu xanh và 01 mảnh giấy dùng vào việc phạm tội. Truy thu, xung quỹ nhà nước số tiền 2.600.000 đồng của Bùi Ngọc L là tiền do L phạm tội mà có.

Các bị cáo không bào chữa và tranh L gì, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận của các bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với nhau; phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang; phù hợp về thời gian, địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội; phù hợp với

vật chứng đã thu giữ, kết L giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, có đủ cơ sở kết L :

Trong hai ngày 14 và 15/12/2019, tại khu vực ngõ 7, đường Nguyễn Tất Thành, phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc Bùi Ngọc L đã có hành vi đánh bạc bằng hình thức mua bán số lô, số đề hai lần với Nguyễn Thị H và hai đối tượng tự khai tên Nguyễn Văn M và Phạm Văn D cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng 17 giờ ngày 14/12/2019, Bùi Ngọc L có hành vi đánh bạc bằng hình thức ghi số lô, đề với Nguyễn Thị H . Tổng số tiền L và H đánh bạc là 7.400.000 đồng.

Lần thứ hai: Khoảng 18 giờ ngày 15/12/2019, Bùi Ngọc L có hành vi đánh bạc bằng hình thức ghi số lô, đề với hai đối tượng tự khai là Nguyễn Văn M và Phạm Văn D thì bị Tổ công tác Công an tỉnh Vĩnh Phúc phát hiện, bắt quả tang. Tổng số tiền L đánh bạc với D và M là 5.300.000 đồng, trong đó số tiền L đánh bạc với M là 2.600.000,đ, số tiền L đánh bạc với D là 2.700.000,đ.

Hành vi trực tiếp tham gia sát phạt được thua bằng tiền nêu trên của các bị cáo Bùi Ngọc L và Đỗ Thị H đã phạm vào tội "Đánh bạc". Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự 2015 có khung hình phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm tới trật tự xã hội được pháp luật bảo vệ. Đánh bạc vừa làm mất thời gian, kinh tế bị ảnh hưởng và là nguyên nhân nảy sinh mâu thuẫn, hành vi vi phạm pháp luật, hay tội phạm khác.

Xét tính chất vụ án, vai trò, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo trong vụ án thấy:

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo phạm tội theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự 2015 có mức hình phạt đến 03 năm tù, thuộc loại tội ít nghiêm trọng. Trong vụ án này bị cáo L đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần, các bị cáo đều là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự nhưng không tuân thủ pháp luật, vì ham lợi được thua bằng tiền dẫn đến phạm tội.

Các bị cáo đều chưa có tiền án, tiền sự, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015. Riêng bị cáo H lần đầu phạm tội, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có ông nội là người có công với cách mạng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo định tại điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015. Đối với bị cáo L do phạm tội nhiều lần nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Căn cứ tính chất của vụ án, nhân thân và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy nên cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa với mức hình phạt tù cách ly khỏi xã hội một thời gian đối với bị cáo L. Đối với bị cáo H có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ có chỗ ở ổn định, nên có thể cho bị cáo hưởng mức án tù nhưng cho hưởng án treo như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa cũng có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 321 của Bộ luật hình sự, phạt các bị cáo một khoản tiền để sung quỹ Nhà nước.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã khai báo phù hợp với quy định của pháp luật và không có khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[3] Đối với các đối tượng liên quan:

Đối với anh Nguyễn Minh Chính (theo lời khai của L, sau khi bán số lô đề cho M và D, L sử dụng tài khoản mạng xã hội Zalo của L để gửi các số lô đề trên cho tài khoản mạng xã hội Zalo mang tên “NmChinh” của anh Chính để chuyển các số lô, đề và tiền thu được cho anh Chính). Quá trình điều tra, anh Chính không thừa nhận hành vi đánh bạc với L thông qua hình thức chuyển tin nhắn Zalo như nội dung đã nêu trên; Cơ quan điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã kiểm tra điện thoại thu giữ của L nhưng không thấy nội dung tin nhắn gì trong ứng dụng Zalo. Tiến hành trưng cầu giám định kỹ thuật số điện tử đối với chiếc điện thoại thu giữ của L, kết quả giám định không xác định được nội dung gì liên quan đến hành vi đánh bạc giữa L và Chính. Anh Chính thừa nhận có sử dụng số thuê bao 0963.484.155 để liên lạc với L (vì là người cùng quê nên có quen biết L), đồng thời anh Chính có dùng số thuê bao trên để đăng ký tài khoản mạng xã hội Zalo mang tên “NmChinh”, tuy nhiên đến khoảng tháng 06/2019 anh Chính đã làm mất điện thoại, sau đó anh Chính có làm lại số thuê bao 0963.484.155 nhưng không còn sử dụng tài khoản mạng xã hội Zalo mang tên “NmChinh” nữa nên không biết việc L nhắn tin chuyển số lô đề. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã tiến hành đối chất giữa L và Nguyễn Minh Chính về nội dung L sử dụng mạng xã hội Zalo gửi nội dung đánh bạc qua hình thức mua bán số lô, số đề giữa L với M và D; tuy nhiên quá trình đối chất anh Nguyễn Minh Chính không thừa nhận, ngoài lời khai của L, không có tài liệu chứng cứ gì khác chứng minh anh Chính đánh bạc với L bằng hình thức mua bán số lô, số đề. Do vậy Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý đối với anh Chính.

Đối với người nam giới tên PH theo lời khai của Đỗ Thị H và Bùi Ngọc L là người đã sử dụng số thuê bao 0365.646.536 nhắn tin và gọi điện thoại nhờ H mua hộ số lô đề của L. Quá trình điều tra xác định chủ số thuê bao trên là Đinh Văn PH, sinh năm 1992, trú tại xã Thành Công, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa. Cơ quan điều tra đã nhiều lần triệu tập PH lên làm việc, tuy nhiên anh PH không có mặt tại địa pH, không biết đi đâu và làm gì. Do vậy, Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

Đối với Nguyễn Văn M và Phạm Văn D là hai người đánh bạc với L bằng hình thức số lô, số đề ngày 15/12/2019 có số tiền dùng vào việc đánh bạc là 2.600.000 đồng và 2.700.000 đồng; Quá trình điều tra M tự khai nhận là Nguyễn Văn M, sinh năm:1976 trú tại xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc, D tự khai nhận là Phạm Văn D sinh năm: 1982 trú tại xã Tam Hợp, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc, quá trình điều tra, Cơ quan điều tra chưa xác định được 02 người có nhân thân, lai lịch như trên. Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra khi nào làm rõ xử lý sau.

[4] Về vật chứng của vụ án:

Đối với 01 chiếc bút bi màu xanh, 01 mảnh giấy ghi thông tin số lô, số đề thu giữ của L sử dụng làm công cụ phạm tội, không còn giá trị sử dụng, nên tịch thu, tiêu hủy.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SamSung màu đen thu giữ của L và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu xanh đen thu giữ của H, kết quả điều tra xác định L và H sử dụng làm pH tiện phạm tội. Do vậy, cần tịch thu, bán sung quỹ nhà nước.

Về số tiền 5.300.000 đồng thu giữ của L, là tiền L đánh bạc mà có. Do vậy, cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

Đối với số tiền 2.600.000 đồng L nhận được qua hành vi bán số lô đề cho H, là tiền do phạm tội mà có, cần truy thu, sung quỹ nhà nước.

[5] Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt; bị cáo Bùi Ngọc L 01 (một) năm tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính ngày bắt bị cáo đi thi hành án, được trừ đi thời gian tạm giữ (từ ngày 15/12/2019 đến ngày 21/12/2019).

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm

2017), xử phạt; bị cáo Đỗ Thị H 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “Đánh bạc”. Giao bị cáo Đỗ Thị H cho Ủy ban nhân dân phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 phạt các bị cáo Bùi Ngọc L và Đỗ Thị H mỗi bị cáo 10.000.000,đ (mười triệu đồng) sung quỹ nhà nước.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu, sung quỹ nhà nước số tiền 5.300.000 đồng thu giữ của L sử dụng vào việc phạm tội.

Truy thu, sung quỹ nhà nước số tiền 2.600.000 đồng của Bùi Ngọc L là tiền do phạm tội mà có.

Tịch thu, bán sung quỹ nhà nước 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu SamSung màu đen thu giữ của Bùi Ngọc L , 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Oppo thu giữ của Nguyễn Thị H là pH tiện dùng vào việc phạm tội.

Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc bút bi màu xanh và 01 mảnh giấy là công cụ dùng vào việc phạm tội. (Đặc điểm tang vật như biên bản giao nhận vật chứng ngày 18/6/2020).

Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, các bị cáo Bùi Ngọc L và Đỗ Thị H mỗi bị cáo phải chịu 200.000,đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Vĩnh Yên;
- Công an thành phố Vĩnh Yên;
- Chi cục thi hành án Vĩnh Yên;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Ủy ban ND phường Khai Quang, TP Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Lý